

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 15/5/2020

V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lan Anh

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

Bà Lương Hải Yến

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Tuyết Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình:* Bà Nhâm Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 15 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2020/TLPT-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2020 về việc *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 70/2019/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 29/2020/QĐ-PT ngày 20 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Đoàn Thị T** sinh năm 1966.

2. Bị đơn: Ông **Phạm Văn M** sinh năm 1963.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh **Phạm Trung D** sinh năm 1989.

+ Chị **Nguyễn Thị T1** sinh năm 1989.

Đều có nơi cư trú: thôn C, xã Đ, huyện K, tỉnh Thái Bình.

4. Người kháng cáo: Ông Phạm Văn M là bị đơn và anh Phạm Trung D, chị Nguyễn Thị T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

(Bà T, ông M, anh D, chị T1 có mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:**

\* Nguyên đơn – Bà Đoàn Thị T trình bày:

Bà và ông M tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ ngày 21/11/1985. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông M hay ghen vô cớ, vợ chồng mâu thuẫn nhưng vì các con còn nhỏ nên bà cố gắng chịu đựng. Năm

2006 bà đi lao động tại Đài Loan, đến cuối năm 2018 thì về nước. Trong 13 năm lao động tại Đài Loan bà có gửi tiền về để ông M chăm lo cho các con và mua đất, xây nhà. Đến ngày 09/02/2019 (mùng 05 Tết Nguyên đán năm Kỷ Hợi) bà có cùng một số người đi chúc Tết thì ông M cùng con D có đuổi theo, dùng dao, tuýp sắt đánh bà và người đi xe chở bà, đập xe SH của bà mới mua. Sau đó, ông M làm đơn xin ly hôn rồi rút đơn nhưng vợ chồng vẫn tiếp tục mâu thuẫn, ông M và các con si nhục, đánh đuổi bà đi. Từ ngày 15/02/2019, đến nay bà phải về nhà mẹ đẻ ở nhưng ông M vẫn đe dọa đánh bà nếu bà về. Xét thấy vợ chồng không thể chung sống nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông M.

Bà và ông M có 03 con chung là Phạm Thị T2, sinh năm 1986, Phạm Trung D, sinh năm 1989, Phạm Trung T3, sinh năm 1990 đều đã trưởng thành, có gia đình riêng nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bà và ông M có tài sản chung gồm:

- 02 ngôi nhà:

+ Ngôi nhà thứ 01: nhà hai tầng do vợ chồng xây năm 2009 trên diện tích đất ở 215m<sup>2</sup> địa chỉ: thôn C, xã Đ, huyện K được bố ông M sang tên cho vợ chồng bà từ năm 1993; đất và tài sản trên đất trị giá 500.000.000 đồng.

+ Ngôi nhà thứ 02: nhà hai tầng do vợ chồng xây trên diện tích đất ở 101m<sup>2</sup> mặt đường 457, địa chỉ: thôn C, xã Đ, huyện K; đất và tài sản trên đất trị giá khoảng 700.000.000 đồng.

+ Vợ chồng có 02 xe: 01 chiếc xe máy SH biển số 17B7-XXX.XX và chiếc xe máy điện LiMa 17MB-YYY.YY, hiện nay bà đang quản lý, sử dụng.

Khi ly hôn, bà không yêu cầu giải quyết ngôi nhà thứ nhất mà chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được sở hữu, sử dụng ngôi thứ hai và 02 chiếc xe mà bà đang quản lý, bà sẽ thanh toán một ½ giá trị tài sản cho ông M.

Vợ chồng bà không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ.

\* Bị đơn – ông Phạm Văn M trình bày: Ông thống nhất với lời khai của bà T về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn và con chung như bà T đã trình bày. Ông M cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc, bà T đi lao động tại Đài Loan đến cuối năm 2018 về nước, sau khi bà T về vợ chồng mâu thuẫn do bà T có quan hệ với người đàn ông khác ở cùng xã, ông không đồng ý ly hôn.

Về tài sản chung, ông M trình bày:

Năm 1993, bố mẹ ông sang tên cho vợ chồng thừa đất có diện tích 215m<sup>2</sup> tại thôn C, xã Đ, huyện K, trên đất có 04 gian nhà cấp 4, ông đã phá đi 02 gian, còn 02 gian sửa sang, xây dựng thành nhà 02 tầng. Ly hôn, ông đề nghị tiếp tục sử dụng căn nhà này.

Ngôi nhà mặt đường 457 là do ông mua đất của ông H bà H1 vào năm 2009, sau đó con trai ông là anh D xây dựng lên, hiện nay vợ chồng anh D đang ở. Bà T đi Đài Loan gửi tiền về ông đã tiết kiệm, khi bà T về ông đã giao cho bà T tổng cộng 4.000.000.000 đồng. Nếu bà T yêu cầu chia ngôi nhà mặt đường thì phải chia ½ số tiền 4.000.000.000 đồng bà T đang quản lý là 2.000.000.000 đồng cho ông.

+ Vợ chồng có 02 xe: 01 chiếc xe máy SH biển số 17B7-XXX.XX và chiếc xe máy điện LiMa 17MĐ-YYY.YY, hiện nay bà T đang quản lý, sử dụng và 01 chiếc xe máy Dream thái.

+ Vợ chồng ông còn góp tiền với con gái mua 01 ngôi nhà tại K1, thành phố Hải Phòng nhưng nhờ em gái bà T đứng tên.

Vợ chồng ông không vay nợ ai.

Ông có cho chị Đoàn Thị U, sinh năm 1989, hiện nay đang sinh sống tại xã Đ1, huyện Đ2, tỉnh Thái Bình là cháu của bà T vay 40.000.000 đồng. Việc cho vay không có giấy tờ, ông không có chứng cứ cung cấp cho Tòa án.

\*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – anh Phạm Trung D trình bày:

Căn nhà mặt đường 457, tại thôn C, xã Đ, huyện K, tỉnh Thái Bình là nhà đất của vợ chồng anh. Năm 2010 sau khi kết hôn, vợ chồng anh khi đó chưa đủ chín chắn nên lấy tiền cưới nhờ bố anh là ông M đứng tên mua đất của bà Đ3, ông V tại ngã tư Đ với giá 220.000.000 đồng; có giấy mua bán giữa bố anh và bà Đ3, khi đó mẹ anh là bà T đang lao động tại Đài Loan. Sau đó vài tháng, vợ chồng anh vay mượn tiền bên nhà vợ xây dựng tầng một và sinh sống tại đây. Đến năm 2015 vợ chồng anh lại dành dụm được ít vốn và lại tiếp tục vay mượn thêm để xây tầng hai ngôi nhà này. Sau khi mẹ anh về đã đốt giấy mua bán đất trên cùng tất cả các loại giấy tờ rút tiền từ ngân hàng và nhận tiền do người tên là Lương Thị T4 gửi về cho Phạm Văn M. Lúc đó bố mẹ anh chưa mâu thuẫn. Hiện nay chưa làm thủ tục chuyển nhượng sang tên. Khi đó mẹ anh không có ở nhà, không đóng góp gì vào căn nhà này, tiền mẹ anh gửi về để gửi ngân hàng. Căn nhà anh khoán cho ông Bùi Quang K2 xây dựng, anh đã nộp toàn bộ giấy tờ mua bán vật liệu, trả công thợ cho Tòa án.

\* Bà Đoàn Thị T không thừa nhận lời khai của ông M về số tiền 4.000.000.000 đồng, về ngôi nhà mặt đường 457 ngã tư xã Đ là của vợ chồng anh D chị T1, về ngôi nhà mua ở Hải Phòng và số tiền cho cháu U vay. Đối với chiếc xe máy Dream ông M khai thì vợ chồng bà đã bán cho anh trai của bà là ông Đoàn Xuân V1 được 5.000.000 đồng, khi đó vợ chồng bà chưa xảy ra mâu thuẫn gì, số tiền đó đã chi tiêu chung cho gia đình.

- Đối với yêu cầu của vợ chồng anh D, chị T1 về tranh chấp ngôi nhà thứ 02 mặt đường 457: Bà cho rằng đây là tài sản chung của vợ chồng bà vì bà gửi tiền về cho ông M mua đất năm 2009 và xây nhà năm 2010, 2015. Bà gửi tiền về bình quân khoảng 16.000.000 đồng/tháng, ông M cũng đã thừa nhận. Mặt khác, ông M và anh D, chị T1 cho rằng đây là tài sản của vợ chồng anh D, đất do anh D nhờ ông M đứng ra mua của ông V, bà Đ3 với giá trị 230 triệu đồng, nhưng các giấy tờ anh D giao nộp mâu thuẫn với lời khai của ông M, anh D về thời điểm mua đất, số tiền mua đất, đồng thời không đúng với xác nhận của người chuyển nhượng quyền sử dụng đất là ông H, bà H1 và Ủy ban nhân dân xã Đ. Do vậy bà không thừa nhận yêu cầu của anh D chị T1.

\* Bản án dân sự sơ thẩm số 70/2019/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình đã quyết định:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Đoàn Thị T được ly hôn ông Phạm Văn M.

- Về con chung: Các con chung đều đã trưởng thành, nên không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung:

+ Chia cho bà T được quyền sử dụng thửa đất lô số 19 theo sơ đồ thiết kế mặt bằng khu vực xóm 3, thôn C, xã Đ (mặt đường 457, diện tích 101m<sup>2</sup> và sở hữu căn nhà 02 tầng mái bằng, mỗi tầng có diện tích 105,9 m<sup>2</sup>, hai mặt hiên có lợp mái tôn; sở hữu chiếc xe máy SH Mode biển số 17B7-XXX.XX và chiếc xe máy điện LiMa 17MĐ-YYY.YY. Tổng giá trị: 761.861.944 đồng.

+ Bà T có trách nhiệm thanh toán cho ông M số tiền 365.930.972 đồng.

+ Bà T phải thanh toán cho vợ chồng anh D chị T1 số tiền là 30.000.000 đồng.

Ngoài ra còn quyết định nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25/12/2019, ông Phạm Văn M nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; anh Phạm Trung D và chị Nguyễn Thị T1 nộp đơn kháng cáo: anh D, chị T1 không đồng ý quyết định của bản án sơ thẩm liên quan đến ngôi nhà mặt đường 457 của vợ chồng anh D, chị T1.

\* Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T không rút đơn khởi kiện; ông M, anh D và chị T1 không rút kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Ông M trình bày:

+ Ông không đồng ý ly hôn vì ông và bà T đã lớn tuổi, ông không hành hung, đánh đập bà T; từ khi về nước, bà T đã phải lòng người nghiện ma túy ở cùng xóm, bà T đã mua xe SH để cho anh ta sử dụng và còn cho tiền anh ta xây nhà, nên mới dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, ông và các con kể cả con trai, con gái, con dâu đều rất phản đối việc làm của bà T; do mọi chuyện vỡ lở nên bà T xấu hổ đã bỏ nhà đi chứ ông không đuổi; chính bà T đã chửi bới, lăng mạ ông kể cả khi làm việc tại Tòa án; bà T đã thuê xe ô tô đến chở đồ đạc đi, có lần bà T còn trèo tường vào nhà lấy chăn mang đi; nay bà T muốn ly hôn chỉ là để đi với người khác; nếu bà T thay đổi tính nết thì ông vẫn cho bà T về.

+ Về nhà, đất: Vợ chồng ông bà có 1 ngôi nhà xây trên đất của bố mẹ ông thừa kế cho riêng ông, hiện nay ông và vợ chồng con trai út đang ở và 01 căn nhà ở Hải Phòng mua cho con gái là Phạm Thị T2, hiện nay chị T2 đang ở nhưng giấy tờ mua nhà đứng tên em gái và em rể bà T là bà H2 và ông H3. Còn nhà, đất ở mặt đường 457 hiện nay vợ chồng con trai lớn là anh D, chị T1 đang sử dụng là của anh D chứ không phải của ông và bà T. Tòa án cấp sơ thẩm xác định là tài sản chung của vợ chồng là không đúng.

+ Vợ chồng ông có 2 chiếc xe máy (01 xe SH biển số 17B-XXX.XX, 01 xe Dream và 01 xe máy điện biển số 17MĐ-YYY.YY, khi vợ chồng mâu thuẫn, bà T lấy đi, hiện bà T đang quản lý, ông chưa bán bất cứ chiếc xe nào.

+ Số tiền 4.000.000.000 đồng bà T gửi tiết kiệm đã sang tên cho ông N là em trai 2.000.000.000 đồng, sang tên mẹ đẻ bà T và ông V1 là anh trai mỗi người 1.000.000.000 đồng, do bà T lấy hết tiền nên ông chưa có tiền để nộp tạm ứng án phí chứ không phải ông không nộp.

+ Số tiền 2.000 USD ông cho chị U cháu bà T vay, chị U đã trả cho bà T.

Ông M yêu cầu Tòa án chia tài sản, đảm bảo công bằng.

- Anh D, chị T1 trình bày: Tất cả các tài liệu, giấy tờ mà vợ chồng anh đã

nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm đã chứng minh nhà đất mặt đường là tài sản của vợ chồng anh chị, không phải của vợ chồng ông M, bà T. Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết không đúng, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại.

- Bà T trình bày: Ngay từ sau khi cưới, bà đã phải lao động vất vả, làm đủ mọi việc để kiếm tiền chăm lo cho gia đình nhưng do ông M hay ghen tuông vô cớ nên đã nhiều lần đánh đập bà, vết sẹo ở tai phải của bà do ông M đánh hiện vẫn còn nhưng vì các con bà đã cố gắng chịu đựng; sau đó bà tiếp tục phải xa chồng con, đi làm giúp việc tại Đài Loan 13 năm; để có tiền gửi về cho ông M nuôi con và kiến thiết bà đã phải lao động ở vùng sâu, vùng xa, tết không dám nghỉ. Toàn bộ tiền kiếm được bà đã gửi cho ông M, trung bình 16.000.000 đồng/tháng, tổng cộng được khoảng 2.500.000 đồng. Số tiền này, ông M đã dùng để mua đất, làm nhà, tổ chức đám cưới cho ba con và cho tiền các con mua ô tô, hiện nay cả ba con đều có xe ô tô còn bà đến nay không có một đồng tiền nào trong tay. Ông M và các con vu cho bà ngoại tình nên đã hành hung, gây thương tích cho bà và sỉ nhục bà, ông M đã đe dọa giết bà nếu bà về nhà, ông M đã thay toàn bộ khóa nhà, khóa cổng. Vì không có tiền để mua đồ dùng, nên bà có trèo tường vào nhà lấy chiếc chăn mà bà mang từ Đài Loan về để dùng. Tháng 2/2019, ông M đã hai lần làm đơn ly hôn, lần đầu, ông M viết không đúng sự thực nên bà không ký; lần thứ hai ông M sửa lại, bà thấy nội dung phù hợp nên bà đã ký, ông M đã nộp cho Tòa án huyện Kiến Xương nhưng không hiểu vì lý do gì, ông M lại rút đơn nên bà phải làm đơn ly hôn. Về tài sản như ông M khai là không đúng; các anh chị ruột của ông M đều đã chứng thực việc bố mẹ ông M cho đất vợ chồng bà, vợ chồng đã xây dựng nhà bằng tiền bà gửi về cho ông M, các anh chị ông M đều đồng ý bà là để ngôi nhà này cho ông M và vợ chồng con út ở và thờ cúng tổ tiên nên bà không yêu cầu chia; ông H, bà H1 đã xác nhận việc bán đất mặt đường 457 cho vợ chồng bà, những người bán vật liệu xây dựng đều chứng thực việc bà có điện thoại cho họ để chọn loại gạch, hỏi tiến độ xây dựng; việc anh D, chị T1 có mua hay trả tiền vật liệu cũng chỉ là ông M nhờ mà thôi. Bà đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông M, anh D, chị T1.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu tại phiên tòa:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân:

Tòa án cấp sơ thẩm xử cho bà T được ly hôn ông M là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông M.

+ Về quan hệ tài sản, Tòa án cấp sơ thẩm đã có những vi phạm sau:

++ Tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà T xác định ngôi nhà thứ nhất (nhà và đất) là tài sản chung của vợ chồng nhưng bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn ông M cho rằng đất ở là tài sản riêng của ông M do được thừa kế riêng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là không giải quyết hết yêu cầu khởi kiện của đương sự - vi phạm Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự;

++ Xác định ý kiến của bị đơn về tài sản là yêu cầu phản tố là không đúng quy định Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự;

++ Đánh giá chưa đầy đủ, toàn diện chứng cứ chứng minh quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản.

++ Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/9/2019 thể hiện: Tài sản trên đất là nhà 02 tầng, mỗi tầng 120m<sup>2</sup>, tuy nhiên bản án quyết định chia cho bà T được quyền sử dụng thửa đất giáp mặt đường 457 và tài sản trên đất là nhà 02 tầng, mỗi tầng 105,9 m<sup>2</sup> là không đúng hiện trạng tài sản xây dựng trên đất và gây khó khăn cho việc thi hành án.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: áp dụng khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy một phần bản án sơ thẩm về quan hệ tài sản, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án giải quyết lại về quan hệ tài sản theo thủ tục sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét kháng cáo của ông M về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy: Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông M là hợp pháp. Ông M và bà T đã chung sống với nhau thời gian dài, hơn ba chục năm, đã có con, có cháu; cả hai người đều là những người có trách nhiệm với gia đình. Kể từ tháng 02/2019, vợ chồng ông bà bắt đầu mâu thuẫn, do ông M nghi ngờ bà T ngoại tình, quá trình giải quyết vụ án, cả hai bên đều thừa nhận là vợ chồng đã có lời lẽ lăng mạ, sỉ nhục lẫn nhau, bà T khai bà bị ông M đánh và đuổi đi, ông M thì khai rằng ông M không đuổi mà vì bà T ngoại tình, bà T tự xấu hổ nên bỏ đi. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không thành; tại phiên tòa phúc thẩm, ông M vẫn có lời lẽ xúc phạm bà T. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà T được ly hôn ông M là có căn cứ; vì vậy không chấp nhận kháng cáo của ông M.

[2] Xét kháng cáo của ông M, anh D, chị T1 về quan hệ tài sản; Hội đồng xét xử thấy:

Theo Đơn khởi kiện, bà T yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng gồm hai ngôi nhà đều ở thôn C, xã Đ, huyện K, tỉnh Thái Bình:

- Ngôi nhà thứ nhất ở trong xóm: đất ở 215m<sup>2</sup> do bố mẹ ông M cho vợ chồng, vợ chồng đã xây nhà 2 tầng.

- Ngôi nhà thứ hai ở mặt đường: đất ở 101m<sup>2</sup> vợ chồng mua của ông H, bà H1 và đã xây nhà 2 tầng.

Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý yêu cầu chia tài sản trên của bà T và thông báo thụ lý vụ án cho ông M. Ông M đã có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T: ông không đồng ý ly hôn; nếu phải ly hôn thì ông yêu cầu Tòa án chia ngôi nhà thứ nhất xây trên đất bố mẹ ông cho riêng ông; ông không đồng ý chia

ngôi nhà thứ hai vì ngôi nhà này là của anh D; bà T còn gửi tiết kiệm 4.000.000.000 đồng, ông đề nghị chia cho ông 2.000.000.000 đồng; bà T còn quản lý 02 chiếc xe máy (01 xe Dream và 01 xe SH), 01 xe máy điện; ông còn cho chị U là cháu bà T vay 2.000 USD tương đương 40.000.000 đồng. Đây là ý kiến phản đối của ông M đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm phải giải quyết trong vụ án này nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đây là yêu cầu phản tố của bị đơn, yêu cầu ông M phải nộp 100.000.000 đồng tạm ứng án phí, nhưng ông M không nộp, nên Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết yêu cầu về tài sản của ông M trong vụ án này là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy cần hủy một phần bản án sơ thẩm về quan hệ tài sản và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn mắc phải một số thiếu sót như Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đã nêu, Tòa án cấp sơ thẩm cần phải khắc phục khi xét xử lại vụ án.

[4]. Về chi phí tố tụng:

- Do bản án sơ thẩm bị hủy một phần nên ông M, anh D và chị T1 không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Ông M, anh D và chị T1 được trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

- Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

- Tiền tạm ứng án phí chia tài sản và tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản mà bà T đã nộp được xử lý khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 144, Điều 147, Điều 148, khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn M về quan hệ hôn nhân, xử cho bà Đoàn Thị T được ly hôn ông Phạm Văn M.

2. Hủy Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 70/2019/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình về quan hệ tài sản, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình giải quyết lại về quan hệ tài sản theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về chi phí tố tụng:

- Ông Phạm Văn M, anh Phạm Trung D và chị Nguyễn Thị T1 không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại ông M 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001496 ngày 03/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình; trả lại chị T1 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001496 ngày 03/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình

- Bà Đoàn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001260 ngày 11/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình thành án phí.

- Số tiền 30.000.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm (chia tài sản) bà T đã nộp theo Biên lai số 0001267 ngày 15/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình và số tiền 4.000.000 đồng tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản bà T đã nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm được xử lý khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 15/5/2020.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TA, THA huyện Kiến Xương;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HC-TP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Thị Lan Anh**